TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Long.

2. Bà Trương Thị Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa:

-*Nguyên đơn:* Bà Nhữ Thị Ngọc T, sinh năm: 1992.

Cư trú tại: Số nhà 25A, ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn:* Ông Phạm Thanh Q, sinh năm: 1989.

Cư trú tại: Số nhà 110/8, ấp Bình Thới 2, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bà Nhữ Thị Ngọc T là nguyên đơn trình bày*: Bà và ông Phạm Thanh Q được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 29/6/2016, tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q không có trách nhiệm gì với vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Hai người không còn chung

sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Phạm Thanh Q.

Về con chung: Bà và ông Q có với nhau một người con chung tên Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 01/02/2017, hiện nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Ông Phạm Thanh Q là bị đơn*: Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2018 trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như buổi đầu chung sống của vợ chồng như bà T trình bày là phù hợp. Sau khi về nhà cha mẹ ruột sinh con, vợ ông ở nhà cha mẹ ruột ở huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh sống luôn cho đến nay. Ông biết vợ ông có quan hệ với nhiều người đàn ông khác nên ngày càng tỏ ra lạnh nhạt, không còn tình cảm với ông, ngay cả việc vợ ông vừa bị hư thai cũng không phải là con của ông, nhưng ông không muốn con ông thiếu vắng tình cảm của người cha nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung: Ông và bà T có một người con chung như bà T trình bày. Nếu phải ly hôn ông đồng ý để bà T tiếp tục giữ nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Ông Q đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Phạm Thanh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nhữ Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Phạm Thanh Q, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết.

[2] Bà Nhữ Thị Ngọc T và ông Phạm Thanh Q được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2016, tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà Nhữ Thị Ngọc T sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, ông Q không có trách nhiệm gì với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn. Ông Q tại biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2018 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện nay bà T có quan hệ với người đàn ông khác nên ngày càng tỏ ra lạnh nhạt, không còn tình cảm vợ chồng với ông, nhưng ông không muốn con ông thiếu tình thương của cha nên ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Nhữ Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phạm Thanh Q, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hai đương sự khai trình thống nhất có với nhau một người con chung tên Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 01/02/2017, hiện nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn hai đương sự khai trình thống nhất để bà T tiếp tục giữ nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên công nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nhữ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nhữ Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phạm Thanh Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Khi ly hôn bà Nhữ Thị Ngọc T được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 01/02/2017 đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nhữ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nhữ Thị Ngọc T đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0002363 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái